

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2015

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 - ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của hội đồng quản trị và Ban giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015</i>	6 - 7
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015</i>	8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015</i>	9
<i>Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015</i>	10 - 42

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Dược HAI trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015.

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Nông Dược HAI

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Bảo vệ thực vật II trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quyết định số 2616/QĐ/BNN- TCCB ngày 30/08/2004 của Thủ tướng chính phủ.

Công ty Cổ Phần Nông Dược HAI ("Công ty"), là Công ty Cổ Phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301242080 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2005 thay đổi gần nhất lần thứ 15 ngày 11 tháng 09 năm 2015.

Công ty có trụ sở tại: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

1 Ông Doãn Văn Phương	CTHQQT
2 Ông Quách Thành Đồng	Tổng Giám Đốc/ Ph. CTHQQT
3 Ông Lê Thành Vinh	Ủy viên
4 Ông Ngô Văn Thu	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08/11/2014)
5 Ông Lê Văn Sắc	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08/11/2014)
6 Bà Nguyễn Bình Phương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 30/06/2015)
7 Ông Đặng Thanh Cường	Phó CTHQQT (Miễn nhiệm 30/06/2015)
8 Ông Mai Trí Dũng	Ủy viên (miễn nhiệm 30/06/2015)
9 Bà Phạm Thị Hải Ninh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08/11/2014 miễn nhiệm 30/06/2015)

Ban Giám Đốc

1 Ông Quách Thành Đồng	Tổng Giám đốc
2 Ông Ngô Văn Thu	Phó Tổng Giám đốc
3 Ông Nguyễn Huỳnh Đăng	Giám đốc Tài chính - Kế toán trưởng
4 Ông Nguyễn Công Chiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02/03/2015)
5 Ông Trần Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2015)

Ban Kiểm soát:

1 Ông Nguyễn Thiện Phú	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 11/11/2014)
2 Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08/11/2014)
3 Ông Trần Thế Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/06/2015)
4 Bà Phạm Thị Mai Hương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08/11/2014)
5 Ông Nguyễn Đức Hiếu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08/11/2014)

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện cho

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI



Tổng Giám đốc

Quách Thành Đồng

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2016



Số: 72/2016/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI*

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2015 kèm theo của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được lập ngày 25/01/2016 và trình bày từ trang 06 đến trang 42 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31-12-2015	01-10-2014
1	2	3	4	5
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.043.987.153.925	687.641.832.830
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.493.429.896	42.371.058.629
1.Tiền	111		22.493.429.896	42.371.058.629
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		287.500.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	287.500.000.000	
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		760.276.926.495	323.449.742.351
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	714.374.137.190	343.234.036.756
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		32.057.365.062	1.278.397.000
3.Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	38.136.281.260	1.812.978.833
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(26.478.100.155)	(22.875.670.238)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5.3	2.187.243.138	
IV.Hàng tồn kho	140	V.6	917.784.520.858	310.443.052.671
1.Hàng tồn kho	141		917.784.520.858	310.443.052.671
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		55.932.276.676	11.377.979.179
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.1	3.025.516.971	1.432.151.098
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.846.198.796	8.868.896.852
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.2	60.560.909	1.076.931.229
B.TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	200		120.665.682.300	131.893.356.528
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	6.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	10.000.000	6.000.000
II.Tài sản cố định	220		107.108.276.124	74.223.349.165
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	45.766.940.142	21.340.886.811
- Nguyên giá	222		74.888.150.339	42.120.274.543
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(29.121.210.197)	(20.779.387.732)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	61.341.335.982	52.882.462.354
- Nguyên giá	228		73.762.212.001	61.653.679.407
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12.420.876.019)	(8.771.217.053)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.201.692.397	46.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1.201.692.397	46.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	1.158.300.000	54.564.333.577
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	37.610.793.035
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.249.390.000	25.400.990.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.091.090.000)	(8.447.449.458)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.187.413.779	3.053.673.786
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.2	3.713.402.068	2.789.458.804
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.17a	456.238.436	264.214.982
3. Lợi thế thương mại	269	V.10.3	7.017.773.275	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.164.652.836.225	819.535.189.358

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

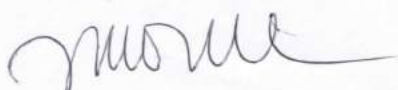
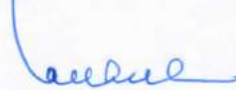
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31-12-2015	01-10-2014
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		870.827.471.656	433.062.409.036
I. Nợ ngắn hạn	310		870.552.455.867	433.062.409.036
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	356.093.044.799	80.410.159.066
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		103.084.226	333.663.904
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.1	11.989.052.055	9.474.344.139
4. Phải trả người lao động	314		6.827.161.803	3.502.992.922
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.972.530.214	606.888.142
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	6.181.993.863	7.460.809.527
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	2.644.485.467	746.632.567
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	479.527.278.197	323.352.093.263
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.213.825.243	7.174.825.506
II. Nợ dài hạn	330		275.015.789	-
1. Thuế TN hoãn lại phải trả	341	V.17b	275.015.789	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.293.825.364.569	386.472.780.322
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	1.293.825.364.569	386.472.780.322
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.172.993.140.000	173.999.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.172.993.140.000	173.999.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.964.490.021	84.582.464.000
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	141.997.856
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.466.264.723	88.629.045.577
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.401.469.825	39.119.362.889
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		24.021.485.712	348.281.641
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		41.379.984.113	38.771.081.248
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.164.652.836.225	819.535.189.358

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Đỗ Thị Ngọc Út

Nguyễn Huỳnh Đăng

Quách Thành Đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

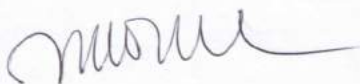
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01-10-2014 đến 31-12-2015	Từ 01-10-2013 đến 31-12-2014
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.819.629.456.513	1.107.211.020.214
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	33.561.600	-
+ Hàng bán bị trả lại			33.561.600	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		1.819.595.894.913	1.107.211.020.214
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.593.850.632.300	913.687.995.992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		225.745.262.613	193.523.024.222
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	59.896.745.600	3.803.609.254
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	28.983.105.078	20.249.120.576
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.722.594.545	22.692.842.953
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	148.657.103.911	102.951.353.348
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	26.822.822.704	24.585.844.013
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		81.178.976.520	49.540.315.539
11. Thu nhập khác	31		22.992.477.636	16.752.269.669
12. Chi phí khác	32		7.826.205.914	1.630.585.645
13. Lợi nhuận khác	40		15.166.271.722	15.121.684.024
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết			(7.563.146)	(465.752.994)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		96.337.685.096	64.196.246.569
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	23.381.373.867	15.805.094.693
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(585.866.849)	(69.666.507)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		73.542.178.078	48.460.818.383
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	960	2.663

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc







Đỗ Thị Ngọc Út

Nguyễn Huỳnh Đăng

Quách Thành Đồng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

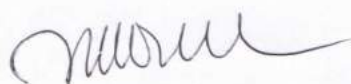
(Theo phương pháp trực tiếp)

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

Đơn vị tính: VNĐ

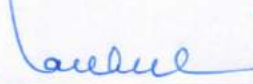
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.524.827.461.510	1.186.343.543.213
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(2.086.049.497.984)	(1.073.972.657.201)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(48.884.763.003)	(39.948.898.049)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(26.252.420.374)	(23.356.468.693)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(27.858.129.754)	(24.690.007.787)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		121.640.488.295	63.759.953.155
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(151.160.433.487)	(108.735.341.614)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(693.737.294.797)	(20.599.876.976)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(39.878.814.903)	(10.240.734.246)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.893.447.172	123.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(645.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(187.950.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		543.092.925.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.369.719.545	1.144.829.266
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(322.472.723.186)	(8.972.904.980)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		839.999.662.500	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	1.224.933.438.125	906.507.545.414
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(1.068.466.400.267)	(835.153.488.536)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(116.167.594)	(34.798.659.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		996.350.532.764	36.555.397.278
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(19.859.485.219)	6.982.615.322
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.371.058.629	11.931.329.827
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(18.143.514)	6.135.685
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		22.493.429.896	18.920.080.834

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Út

Kế toán trưởng



Nguyễn Huỳnh Đăng

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc



Quách Thành Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Bảo vệ thực vật II trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quyết định số 2616/QĐ/BNN - TCCB ngày 30/08/2004 của Thủ tướng chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 030124080 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/02/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 09 năm 2015

Công ty có trụ sở tại: 28 Mạc Đĩnh Chi, P Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 1.172.993.140.000 đồng

Bằng chữ: Một nghìn một trăm bảy mươi hai tỷ chín trăm chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

2 Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ

3 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất hóa chất cơ bản.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết : mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón. Mua, bán thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán hạt nhựa
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp : chi tiết sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Chi tiết : mua bán giống cây trồng, hạt giống, cung cấp giống cây trồng.
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp, Chi tiết : Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.
- Trồng lúa.
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
- Trồng cây lấy sợi
- Trồng cây có hạt chứa dầu
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Trồng cây ăn quả, trồng cây điều, trồng cây hồ tiêu, trồng cà phê, cây gia vị, cây dược liệu.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết cho thuê kho, văn phòng, kinh doanh bất động sản
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : cho thuê máy móc thiết bị sản xuất ngành nông dược.
- Cho thuê xe có động cơ, Chi tiết : cho thuê xe tải.
- Quảng cáo, chi tiết, dịch vụ quảng cáo thương mại.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM
Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết : dịch vụ nghiên cứu thị trường.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết : dịch vụ tiếp thị.

Các công ty con:

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI tại Đồng Nai

Địa chỉ : ấp Trần Cao Vân xã Bàu Hàm 2, huyện Thống nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Thừa Thiên Huế

Địa chỉ : 606 Lê Duẩn, phường Phú Thuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Vĩnh Long

Địa chỉ : Tổ 33, ấp Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Kiên Giang

Địa chỉ : số 97A, ấp Phước Ninh, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Tiền Giang

Địa chỉ : Km 1990, quốc lộ 1, ấp Mỹ Cần, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Nghệ An

Địa chỉ : số 19, đường Nguyễn Tiềm, khối 11, phường Đội Cung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Sóc Trăng

Địa chỉ : ấp Tân Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - An Giang

Địa chỉ : ấp Hòa Phú 1, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Cần Thơ

Địa chỉ : Lô 30A4 khu công nghiệp Trà Nóc I, P Trà Nóc, Q Bình Thủy, TP Cần Thơ, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Hà Nội

Địa chỉ : Phòng 2404 nhà 24T1 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Q Cầu Giấy, Hà Nội, VN

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Đồng Tháp

Địa chỉ : số 407 Nguyễn Trãi, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Lâm Đồng

Địa chỉ : số 25A, tổ 10 thôn Phi Nôm, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Sơn La

Địa chỉ : Tiểu khu 3, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Đắk Lắk

Địa chỉ : Số 472, đường Võ Văn Kiệt, P Khánh Xuân, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Thanh Hóa (thành lập ngày 07/05/2015)

Địa chỉ : 07/775 Nguyễn Trãi, Phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Các công ty con :

Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.

Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.

Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

.. Kỳ kế toán :

Trước đây kỳ kế toán của đơn vị từ ngày 01/10 năm trước đến 30/09 năm sau

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Đây là kỳ kế toán giữa niên độ cũ gộp với kỳ chuyển đổi, nên kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015
Kể từ năm 2016 đơn vị thực hiện kỳ kế toán từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty cổ phần Nông Dược HAI, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:

a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
- + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
- + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

c Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:
Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.
Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.
- + Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.
- + Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.
- + Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.
- + Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.
- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:
Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSSCD, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.
- + Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSSCD, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.
- + Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.
- Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình	3 - 50 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

7 Nguyên tắc kế toán các hợp đồng, hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia có thể thoả thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng cho hoạt động hợp tác kinh doanh, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức tài sản đồng kiểm soát mỗi bên tham gia được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động này bên nào bỏ ra bên đó gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thoả thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

8 Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
- Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn, doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và phân bổ tối đa không quá 3 năm
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn tới quan hệ công ty mẹ - công ty con có phát sinh lợi thế thương mại hoặc khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có phát sinh lợi thế kinh doanh.
- Các khoản chi phí trả trước khác phụ vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

10 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

11 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

12 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được, như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản :

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;

- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

16 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:

+ Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.

+ Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngày vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

18 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

19 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

20 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

21 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

22 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.

Hoàn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	1.185.568.143	3.805.101.419
Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	990.756.755	3.696.533.469
Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	51.581.907	108.567.950
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.	116.497.879	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An	26.731.602	-
Tiền gửi Ngân hàng	21.307.861.753	38.565.957.210
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	16.464.374.455	37.481.129.953
Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	14.836.763.912	37.226.197.034
Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	265.132.003	254.932.919
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.	301.109.040	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An	1.061.369.500	-
Tiền gửi Ngân hàng ngoại tệ	4.843.487.298	1.084.827.257
Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	4.840.613.272	1.084.827.257
Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	2.319.654	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An	554.372	-
- Tiền đang chuyển	-	-
Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	22.493.429.896	42.371.058.629
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đầu tư vào các bên liên quan	282.500.000.000	-
Đầu tư khác - Cty CP ĐT địa ốc ALASKA (1)	282.500.000.000	-
Đầu tư vào các bên không liên quan	5.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch 2 (2)	5.000.000.000	-
Cộng	287.500.000.000	-

(1): Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015//HĐKT/ALASKA - HAILAND ngày 10/3/2015, hợp đồng hợp tác đầu tư này để thực hiện đầu tư, xây dựng và khai thác dự án khu chức năng đô thị Đại Mỹ tại tổ dân phố Tháp, phường Đại Mỹ, Quận Từ Liêm, TP Hà Nội. Công ty Địa ốc HAI góp vốn bằng tiền xây dựng dự án và có quyền rút vốn từng phần hoặc 1 lần với điều kiện gửi văn bản cho ALASKA tối thiểu 30 ngày so với ngày dự kiến rút vốn. Khi dự án được phê duyệt tổng mức đầu tư 2 bên sẽ tiến hành thỏa thuận về phân chia lợi nhuận trên cơ sở vốn thực góp mỗi bên. Công ty Địa ốc HAI sẽ được hưởng khoản lợi suất tối thiểu 9%/năm / tổng số vốn thực chuyển cho bên ALASKA tính trên số ngày thực chuyển. Khi tất cả số đất ở và căn hộ được chuyển nhượng bên Địa ốc HAI không còn được hưởng bất kỳ khoản lợi nhuận nào từ dự án.

(2): Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 81.15.103.2355569.TG.CIB ngày 18/8/2015, kỳ hạn gửi: 06 tháng, lãi suất: 5,4%/năm.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

3. Các khoản đầu tư tài chính

TT	Nội dung	Số cuối kỳ				Số đầu kỳ			
		Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
I	Đầu tư công ty liên doanh, LK		-	-	-		38.000.000.000	-	37.610.793.035
1	Công ty CP TM Nông nghiệp sông Mê Kông		-	-	-	30%	12.000.000.000	-	12.009.105.928
2	Công ty TNHH Hai Minh Long		-	-	-	50%	11.000.000.000	-	11.301.626.773
3	Công ty Cổ phần Bốn Đúng		-	-	-	50%	15.000.000.000	-	14.300.060.334
II	Đầu tư vào đơn vị khác	SLCP	2.249.390.000	(1.091.090.000)	1.158.300.000	357.900	25.400.990.000	(8.447.449.458)	16.953.540.542
1	Công ty CP Khử trùng Giám định Việt Nam		2.249.390.000	(1.091.090.000)	1.158.300.000	286.400	8.974.200.000	-	8.974.200.000
2	Công ty CP Bảo vệ thực vật Sài Gòn		-	-	-	71.500	2.249.390.000	(1.162.590.000)	1.086.800.000
3	Cổ phiếu ngân hàng TM Việt Á		-	-	-		14.177.400.000	(7.284.859.458)	6.892.540.542
	Tổng cộng		2.249.390.000	(1.091.090.000)	1.158.300.000		63.400.990.000	(8.447.449.458)	54.564.333.577

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn	714.374.137.190	26.478.100.155	343.234.036.756	22.875.670.238
<i>a</i> Phải thu khách hàng không là các bên liên quan	698.481.630.795	26.478.100.155	323.963.910.602	22.875.670.238
- Công ty Cổ phần Nông dược HAI	514.494.492.522	26.478.100.155	310.736.984.656	22.875.670.238
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển FLC Vĩnh Phúc	69.006.000.000	-	-	-
Công ty TNHH TMDV Thanh Yên	4.372.820.100	-	10.828.193.019	-
Cửa hàng Nguyễn Văn Ka	14.111.240.000	-	22.957.560.000	-
Đại lý Lân Tuyển	7.797.846.000	-	16.468.172.000	-
Đại lý Tuấn út	4.550.789.000	-	14.086.000.000	-
Cagrochem company LTD	10.361.499.201	-	16.007.102.740	-
Doanh nghiệp tư nhân Trí Đạt Thành	156.269.830	156.269.830	156.269.830	156.269.830
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp	11.723.458.531	6.534.365.141	11.757.054.226	7.872.526.207
Đại lý Trần Xuân Mai	3.974.894.257	3.974.894.257	3.974.894.257	2.782.425.980
Cửa hàng VTNN Thanh Nga	7.188.613.780	5.100.480.082	8.359.725.743	-
Cửa hàng VTNN Trần Thanh Phong	163.159.676	163.159.676	378.695.819	378.695.819
Đại lý Nông Tín	294.163.800	-	294.163.800	147.081.900
Công ty TNHH MTV Phước Duy	1.086.345.512	424.694.312	1.212.245.512	-
Cửa hàng VTNN Tích Thảo	1.144.382.868	1.144.382.868	1.144.382.868	801.068.008
Công ty TNHH MTV Đông Dương	103.185.362	103.185.362	103.185.362	103.185.362
Đại lý nông dược Sáu Tỷ	806.427.818	-	1.523.684.650	1.055.476.975
Đại lý thuốc BVTV Bình Lệ	6.447.279.386	2.327.279.386	6.470.279.386	-

Công ty TNHH TM&DV Nông nghiệp Mạnh Hùng	354.833.929	354.833.929	451.102.729	-
Cửa hàng Tuấn Sen	304.910.411	178.021.880	252.334.391	126.167.196
Cửa hàng VTNN Nguyễn Văn Lượm	1.471.934.935	1.125.085.711	1.471.934.935	868.180.208
Cửa hàng Xuân Trường	78.602.473	-	128.602.473	48.409.683
Cửa hàng Hồng Át	832.457.987	-	329.710.105	212.595.234
Phan Thị Thơm	806.060.298	-	666.756.499	37.209.055
Cửa hàng Nguyễn Quốc Nam	353.020.259	-	353.020.259	176.510.130
Cửa hàng Hoàng Văn Năng	192.499.719	-	139.114.033	69.557.017
Trạm BVTV Nghĩa Đàn	209.304.758	-	208.829.758	145.012.085
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lợi	3.496.613.816	3.107.026.856	3.496.613.816	2.187.905.031
Cửa hàng VTNN Cao Phát	654.386.532	654.386.532	1.925.444.032	1.347.810.822
Đại lý VTVV Vũ Hà	6.001.428.241	-	7.576.415.641	1.800.428.472
Đại lý thuốc BVTV Nguyễn Đức Tâm	459.107.937	459.107.937	459.107.937	-
Đại lý ND Hoàng Nam	441.321.794	380.780.085	461.321.794	310.816.914
Trạm TCKD&BVTV Liên Hội	94.460.785	94.460.785	101.960.785	101.960.785
Công ty TNHH TMDV Tân Minh Hạnh	195.685.526	195.685.526	195.685.526	136.979.868
Phải thu các khách hàng khác	355.259.488.001	-	176.797.420.731	2.009.397.657
- Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.				
Phải thu các khách hàng khác	16.754.773.974	-	13.226.925.946	-
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.				
Công ty Cổ phần Xây dựng Faros	2.776.053.000	-	-	-

	Công ty TNHH Newland Holding Việt Nam	164.456.311.299	-	-	-
b	Phải thu khách hàng là các bên liên quan	15.892.506.395	-	19.270.126.154	-
-	Công ty Cổ phần Nông dược HAI				
	Công ty Cổ phần Long Hiệp	1.994.244.250	-	7.074.040.000	-
	Công ty Cổ phần Hóc Môn	13.272.418.245	-	10.499.118.154	-
	Công ty TNHH SX và TM HAI - Long An	-	-	1.696.968.000	-
-	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An				
	Công ty Cổ phần Công nghệ OTP FLC Việt Nam	31.843.900	-	-	-
-	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.				
	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn FLC	594.000.000	-	-	-
	Cộng	714.374.137.190	26.478.100.155	343.234.036.756	22.875.670.238

5.	Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.1	Phải thu khác ngắn hạn	38.136.281.260	-	1.812.978.833	-
a	Phải thu khác - TK 138	31.130.170.862	-	78.866.016	-
	Phải thu khác các bên không liên quan	170.653.054	-	78.866.016	-
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	157.493.281	-	59.689.505,00	-
	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	1.338.025	-	19.176.511,00	-
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.	8.600.000	-	-	-
	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An	3.221.748	-	-	-
	Phải thu khác các bên liên quan	30.959.517.808	-	-	-
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.				
	- Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc ALASKA	30.959.517.808	-	-	-
b	Phải thu về tạm ứng	6.738.229.200	-	1.565.112.817	-

	<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	6.056.990.300	-	1.458.317.744	-
	<i>Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.</i>	373.740.990	-	106.795.073	-
	<i>Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.</i>	234.497.910	-	-	-
	<i>Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An</i>	73.000.000	-	-	-
b	<i>Phải thu về ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	267.881.198	-	169.000.000	-
	<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	267.881.198	-	169.000.000	-
5.2	Phải thu khác dài hạn	10.000.000	-	6.000.000	-
	<i>Phải thu về ký quỹ, ký cược dài hạn</i>				
	Ký quỹ Taxi Vinasun	3.000.000		3.000.000	-
	Ký quỹ Taxi Mailinh	3.000.000		3.000.000	-
	Ký quỹ Công ty Điện lực Thanh Hóa	4.000.000		-	-
5.3	Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	<i>Hàng tồn kho</i>	2.187.243.138		-	
	<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	2.185.169.138		-	
	<i>Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An</i>	2.074.000		-	
6.	Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Nguyên liệu vật liệu	10.367.329.364		7.677.082.200	
	Công cụ dụng cụ	-		-	
	Chi phí SXKD dở dang	4.924.730.412		1.780.046.501	
	Thành phẩm	18.517.954.511		10.723.550.885	
	Hàng hóa (giá mua và chi phí thu mua)	383.099.056.972		261.363.494.519	
	Hàng hóa bất động sản	472.360.212.729		-	
	Hàng gửi bán	28.515.236.870		28.898.878.566	
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	917.784.520.858	-	310.443.052.671	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định						
Số dư đầu kỳ	19.494.554.588	5.889.413.861	16.310.920.573	425.385.521	-	42.120.274.543
- Mua trong kỳ	-	-	7.494.308.136	224.627.600	132.454.560	7.851.390.296
- XDCB hoàn thành	9.124.180.504		1.572.100.910		-	10.696.281.414
- Tăng khác	13.952.490.935	854.429.697	193.636.364		-	15.000.556.996
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-
- Thanh lý, nhượng bán			772.181.819		-	772.181.819
- Giảm khác			8.171.091	-	-	8.171.091
Số dư cuối kỳ	42.571.226.027	6.743.843.558	24.790.613.073	650.013.121	132.454.560	74.888.150.339
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	6.110.945.341	4.779.143.724	9.688.635.659	200.663.008		20.779.387.732
- Khấu hao trong kỳ	1.367.963.483	646.977.942	2.747.946.656	106.115.393	7.402.586	4.876.406.060
- Tăng khác	3.295.152.644	472.591.722	111.340.884			3.879.085.250
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-
- Thanh lý, nhượng bán			413.668.845		-	413.668.845
- Giảm khác					-	-
Số dư cuối kỳ	10.774.061.468	5.898.713.388	12.134.254.354	306.778.401	7.402.586	29.121.210.197
Giá trị còn lại của TSCĐ						
- Tại ngày đầu kỳ	13.383.609.247	1.110.270.137	6.622.284.914	224.722.513	-	21.340.886.811
- Tại ngày cuối kỳ	31.797.164.559	845.130.170	12.656.358.719	343.234.720	125.051.974	45.766.940.142

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy tính, website	Giấy phép và giấy nhượng quyền	TSCĐVH khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định							
Số dư đầu năm	57.020.303.608	593.310.000	1.621.260.478	1.964.403.321	454.402.000	-	61.653.679.407
- Mua trong năm	109.697.280			50.600.000		-	160.297.280
- XD/CB hoàn thành	561.577.233					-	561.577.233
- Tăng khác	10.032.700.511				-	1.353.957.570	11.386.658.081
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-	-	-
- Giảm khác				-	-	-	-
Số dư cuối năm	67.724.278.632	593.310.000	1.621.260.478	2.015.003.321	454.402.000	1.353.957.570	73.762.212.001
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	5.855.677.898	101.361.660	1.306.985.257	1.473.112.091	34.080.147	-	8.771.217.053
- Khấu hao trong năm	1.347.825.969	99.670.305	289.221.654	381.926.539	56.800.245	11.061.615	2.186.506.327
- Tăng khác	1.279.681.200					183.471.439	1.463.152.639
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-	-	-
- Giảm khác					-	-	-
Số dư cuối năm	8.483.185.067	201.031.965	1.596.206.911	1.855.038.630	90.880.392	194.533.054	12.420.876.019
Giá trị còn lại của TSCĐ							
- Tại ngày đầu năm	51.164.625.710	491.948.340	314.275.221	491.291.230	420.321.853	-	52.882.462.354
- Tại ngày cuối năm	59.241.093.565	392.278.035	25.053.567	159.964.691	363.521.608	1.159.424.516	61.341.335.982

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

9. Chi phí XDCB dở dang:	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	1.155.692.397	-
Công ty TNHH HAI Quy Nhơn	46.000.000	46.000.000
Cộng	1.201.692.397	46.000.000
10. Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	3.025.516.971	1.432.151.098
Chi phí trả trước ngắn hạn thuê văn phòng	210.315.584	99.827.720
Chi phí trả trước ngắn hạn thuê dịch vụ	129.375.876	796.912.668
Chi phí trả trước bảo hiểm	375.950.692	338.708.132
Chi phí trả trước sửa chữa, phụ tùng thay thế và CCDC	2.092.268.506	122.945.614
Chi phí trả trước khác	217.606.313	73.756.964
10.2 Chi phí trả trước dài hạn	3.713.402.068	2.789.458.804
Phí lệ phí trả trước cho nhiều năm	384.606.679	261.057.192
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.546.387.796	966.587.839
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.706.326.343	1.360.665.071
Chi phí đào tạo nhân viên, cán bộ		93.333.334
Chi phí trả trước dài hạn khác	76.081.250	107.815.368
10.3 Lợi thế thương mại	7.017.773.275	-
<i>Công ty TNHH SX & Thương mại HAI - Long An</i>	<i>7.017.773.275</i>	-
11. Vay và nợ thuê tài chính (phụ lục 01)		
12. Phải trả người bán	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả người bán ngắn hạn	356.093.044.799	80.410.159.066
a Phải trả người bán không là các bên liên quan	346.927.186.375	78.965.321.207
- Công ty Cổ phần Nông Dược HAI		
Công ty TNHH DEKALB Việt Nam	2.189.173.400	36.679.360.000
Dow Agrospsiences (MALAYSIA) SDN BHD	101.965.787.070	21.564.947.520
Crop Protection Agro	-	2.585.644.524
Khách hàng khác	42.469.081.970	14.030.512.981
- Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An		
Công ty TNHH Minh Long	9.075.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

- Công ty Cổ phần AMD Group	16.420.140.000	-
Công ty Đầu tư tài chính và quản lý tài sản RTS	6.175.766.481	-
Công ty TNHH Đầu tư thương mại và XNK Viettexi	167.690.923.923	-
Công ty TNHH Xuân Hiếu	440.693.020	-
Phải trả khác	135.752.600	-
- Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.		
Công ty Cổ Phần Đồng Xanh	8.321.275.501	3.293.540.130
Khách hàng khác	1.109.517.410	811.316.052
b Phải trả người bán là các bên liên quan	9.165.858.424	1.444.837.859
- Công ty Cổ phần Nông Dược HAI		
Công ty CP liên doanh đầu tư quốc tế KLF	23.405.800	
Công ty Cổ phần Hóc Môn	2.476.073.016	639.671.840
Công ty Cổ phần Long Hiệp	1.718.481.608	805.166.019
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.		
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	4.934.000.000	-
Công ty Cổ phần liên doanh đầu tư quốc tế KLF	13.898.000	-

Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước - phụ lục 2

14. Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	846.541.325	512.509.148
Chi phí khác	2.125.988.889	94.378.994
Cộng	2.972.530.214	606.888.142

15. Các khoản phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
15.1 Ngắn hạn	2.644.485.467	746.632.567
Kinh phí Công Đoàn	28.026.056	15.645.060
Bảo hiểm xã hội	223.818.786	203.385.780
Bảo hiểm Y Tế	38.737.980	35.701.807

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

Bảo hiểm thất nghiệp	17.216.880	15.645.060
Nhận kí cược kí quỹ ngắn hạn	2.245.564.000	127.000.000
Công ty Dow chemical	-	0
Công ty cổ phần Long Hiệp	55.346.469	55.346.469
Công ty mua bán nợ & TSTD của DN- CN TPHCM	8.500.000	8.500.000
Phải trả, phải nộp khác	23.869.392	285.408.391
Dư có TK138	3.405.904	0
15.2 Phải trả ký quỹ, ký cược dài hạn	-	
16. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	21.945.681	7.460.809.527
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .	6.160.048.182	-
Céng	6.181.993.863	7.460.809.527
17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	456.238.436	264.214.982
Cộng tài sản thuế thu nhập DN hoãn lại	456.238.436	264.214.982
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	275.015.789	-
Cộng thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	275.015.789	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

18. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	173.999.910.000	84.582.464.000	141.997.856	68.009.756.928	14.236.502.872	46.481.868.439	387.452.500.095
- Tăng vốn trong năm trước							-
- Lãi trong năm trước						38.497.170.066	38.497.170.066
- Tăng trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn năm nay				4.565.265.788	1.908.347.989		6.473.613.777
- Tăng khác				16.069.850.861			16.069.850.861
- Giảm do chia cổ tức, trích quỹ năm trước						45.948.808.434	45.948.808.434
- Giảm khác năm trước				15.828.000	16.144.850.861	(89.132.818)	16.071.546.043
2. Số dư cuối năm trước	173.999.910.000	84.582.464.000	141.997.856	88.629.045.577	-	39.119.362.889	386.472.780.322
3. Số dư đầu kỳ này	173.999.910.000	84.582.464.000	141.997.856	88.629.045.577	-	39.119.362.889	386.472.780.322
- Tăng vốn trong kỳ này	998.993.230.000	167.999.932.500					1.166.993.162.500
- Lãi trong kỳ						73.542.178.078	73.542.178.078
- Tăng khác				24.109.028.940		1.088.493.314	25.197.522.254
- Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ		215.002.396.500		76.205.703.237		35.785.400.263	326.993.500.000
- Giảm khác trong kỳ		615.509.979	141.997.856	18.066.106.557	-	12.563.164.193	31.386.778.585
4. Số dư cuối năm	1.172.993.140.000	36.964.490.021	-	18.466.264.723	-	65.401.469.825	1.293.825.364.569

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn góp của các cổ đông	1.172.993.140.000	173.999.910.000
Cộng	1.172.993.140.000	173.999.910.000
C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	173.999.910.000	173.999.910.000
Vốn góp tăng trong kỳ	998.993.230.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.172.993.140.000	173.999.910.000
D. Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	117.299.314	17.399.991
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	117.299.314	17.399.991
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>117.299.314</i>	<i>17.399.991</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	117.299.314	17.399.991
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>117.299.314</i>	<i>17.399.991</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	
Đ. Các quỹ doanh nghiệp	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	18.466.264.723	88.629.045.577
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)		
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.791.685.411.266	1.088.626.194.406
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.944.045.247	18.584.825.808
Cộng	1.819.629.456.513	1.107.211.020.214
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	33.561.600	-
+ Hàng bán bị trả lại	33.561.600	
19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	1.819.595.894.913	1.107.211.020.214
3. Giá vốn hàng bán	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.574.136.921.121	898.795.742.944
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.036.876.034	14.882.679.301
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	676.835.145	9.573.747
Cộng	1.593.850.632.300	913.687.995.992
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	487.135.748	178.647.966

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

Lãi cho vay	25.551.024.658	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.944.189.300	743.254.988
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.231.583.797	966.181.300
Lãi bán cổ phiếu và lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào liên doanh, công ty liên kết	24.200.985.000	1.915.525.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	73.333.947	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.408.493.150	-
Cộng	59.896.745.600	3.803.609.254
5. Chi phí hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	25.584.037.118	22.723.549.953
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.446.058.759	3.471.611.709
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	1.227.953.800
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(8.056.299.124)	(7.284.859.458)
Chi phí tài chính khác	9.308.325	110.864.572
Cộng	28.983.105.078	20.249.120.576
6. Chi phí bán hàng	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	51.624.586.960	32.981.310.399
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	4.553.966.187	5.068.680.500
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.993.064.514	5.859.755.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.157.214.446	17.437.455.659
Chi phí bằng tiền khác	67.328.271.804	41.604.151.746
Cộng	148.657.103.911	102.951.353.348
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	14.224.075.052	9.325.032.698
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.104.284.232	671.820.405
Chi phí KH TSCĐ	923.868.270	518.167.680
Chi phí, phí lệ phí	369.240.598	298.210.165
Chi phí trích lập dự phòng	4.492.170.167	10.269.743.235
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(889.740.250)	
Lợi thế thương mại	177.178.244	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.711.446.340	481.141.659
Chi phí bằng tiền khác	3.573.218.185	2.730.761.684
Hoàn nhập chi phí quản lý HAI địa ốc	(10.862.918.134)	290.966.487
Cộng	26.822.822.704	24.585.844.013
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.381.373.867	15.805.094.693
Cộng	23.381.373.867	15.805.094.693

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.972.585.209.020	959.508.899.761
Chi phí nhân viên	70.218.085.280	42.908.026.544
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.075.252.728	6.756.125.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.872.306.130	58.027.664.847
Chi bằng tiền khác	60.473.002.066	58.711.945.438
Trích lập dự phòng	3.602.429.917	10.554.136.158
Cộng	2.190.826.285.141	1.136.466.798.067

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.542.178.078
Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	17.399.991
Số cổ phiếu phát hành thêm	99.899.323
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	76.619.285
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	960

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

	Kỳ này	VND
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.224.933.438.125	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường và hợp đồng vay	1.068.466.400.267	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Công cụ tài chính
Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND
-Tiền và các khoản tương đương tiền	22.493.429.896	22.493.429.896
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	784.567.783.512	760.276.926.495

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công nợ tài chính tại số cuối kỳ

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	356.093.044.799	-	356.093.044.799
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.644.485.467	-	2.644.485.467
Chi phí phải trả	2.972.530.214	-	2.972.530.214
Vay và nợ thuê tài chính	479.527.278.197	-	479.527.278.197

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan khác**2.1 Ngoài danh sách các thành viên trong HĐQT, BGĐ và BKS các bên có liên quan khác bao gồm:****Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.

Công ty con

Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .

Công ty con

Công ty TNHH HAI Minh Long

Công ty con

Công ty Cổ phần TM Nông nghiệp Sông Mekong

Công ty liên kết (chấm dứt hợp đồng ngày 24/12/2015)

Công ty Cổ phần Lông Hiệp

Mr Dũng uỷ viên (miễn nhiệm 30/6/2015) là CT HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

Công ty Cổ phần Long Hưng

Mr Dũng uỷ viên (miễn nhiệm 30/6/2015) là Giám đốc

Công ty CP Hóc Môn

Mr Cương uỷ viên (miễn nhiệm ngày 30/06/2015) là CT HĐQT thành viên

Công ty Cổ phần Bốn Đúng

Công ty liên kết (đã thoái vốn ngày 07/05/2015)

Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Cổ đông lớn; Mr Vinh là Phó chủ tịch; Trần Thế Anh là Phó TGD; Nguyễn Bình Phương TV BKS

Công ty Cổ phần liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF

Công ty liên kết của FLC ; Lê Văn Sác và Nguyễn Bình Phương là TV BKS; Trần Thế Anh là TV HĐQT; Nguyễn Thiện Phú là TBKS

Công ty Cổ phần Công nghệ OTP FLC Việt Nam

Công ty con của tập đoàn FLC

Công ty Cổ phần Địa Ốc Alaska

Công ty con của tập đoàn FLC

Công ty CP TM Nông nghiệp sông Mê Kông

Công ty liên doanh, liên kết và đã làm thủ tục thoái vốn ngày 31/12/2015

2,2 Các khoản phải thu**Tại ngày 31/12/2015****Tại ngày 01/10/2015**

	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP FLC Việt Nam	31.843.900	-
Công ty Cổ phần Địa Ốc Alaska (TK138)	30.959.517.808	-
Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	594.000.000	-
Công ty Cổ phần Long Hiệp	1.994.244.250	7.074.040.000
Công ty Cổ phần Hóc Môn	13.272.418.245	10.499.118.154

2,3 Các khoản phải trả**Tại ngày 31/12/2015****Tại ngày 01/10/2014**

	VND	VND
Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	4.934.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóc Môn	2.476.073.016	639.671.840
Công ty Cổ phần liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	37.303.800	-
Công ty Cổ phần Long Hiệp	1.718.481.608	805.166.019

2,4 Giao dịch với các bên liên quan**Kỳ này**

Bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty Cổ phần Hóc Môn

73.742.441.811

Công ty Cổ phần Long Hiệp

315.886.301.718

Công ty Cổ phần Bốn Đúng

106.020.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

Công ty TNHH Long Hưng	4.240.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP FLC Việt Nam	45.795.000
Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	35.836.031.379
Mua hàng hóa, dịch vụ	
Công ty Cổ phần Long Hiệp	326.449.512.060
Công ty Cổ phần Hóc Môn	57.004.129.958
Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	565.482.695.488
Công ty Cổ phần liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	40.216.188.222
2.5 Thu nhập HĐQT và các thành viên chủ chốt	Kỳ này
Thu nhập HĐQT và các thành viên chủ chốt	538.200.000
2.5 Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác đã nhận trong kỳ	Kỳ này
Hội đồng quản trị, BGD	3.307.000.000
Ban Kiểm soát	130.200.000
Hội đồng thành viên và BGD Địa ốc HAI	185.416.667
Công ty TNHH HAI Minh Long	427.574.085
Công ty TNHH HAI Quy Nhơn	1.234.817.571

3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các mặt hàng chính sau:

- Thuốc bảo vệ thực vật
- Nguyên liệu
- Thuốc kích thích tăng trưởng
- Hạt giống
- Dịch vụ quảng cáo, khuyến mãi

Doanh thu bán hàng theo khu vực địa lý:

Bán hàng tại Việt Nam

Kỳ này
1.800.486.199.645

Bán hàng tại Campuchia

19.143.256.868

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Thuốc bảo vệ thực vật	1.145.467.411.996	956.252.943.711	189.214.468.285
Nguyên liệu	9.261.364.080	8.755.654.411	505.709.669
Thuốc kích thích tăng trưởng	40.361.207.982	27.829.418.745	12.531.789.237
Giống	80.947.763.661	79.100.438.828	1.847.324.833
Phân bón	1.928.944.875	1.737.620.651	191.324.224
Nông sản	300.823.749.612	290.617.275.362	10.206.474.250
Dịch vụ quảng cáo, khuyến mãi	29.270.347.768	20.330.417.526	8.939.930.242
Khác	27.285.052.524	25.178.773.897	2.106.278.627
Vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây	184.098.859.015	183.793.264.004	305.595.011
Gia công và dịch vụ	184.755.000	254.825.165	(70.070.165)
Các chi phí không phân bổ theo BP			175.479.926.615
Cộng	1.819.629.456.513	1.593.850.632.300	401.258.750.828

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL. Báo cáo này đã được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006. Kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2015 là kỳ kế toán đầu tiên doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán theo hướng dẫn Thông tư 200 (TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014). Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với kỳ này.

Tài sản	Số tại ngày 30/09/2014 theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006	Số tại ngày 1/10 2014 theo TT 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014	Chênh lệch
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	321.715.629.534	323.449.742.351	1.734.112.817
3. Các khoản phải thu ngắn hạn k	78.866.016	1.812.978.833	1.734.112.817
V. Tài sản ngắn hạn khác	13.112.091.996	11.377.979.179	(1.734.112.817)
3. Tài sản ngắn hạn khác	1.734.112.817	-	(1.734.112.817)
I.Các khoản phải thu dài hạn	-	6.000.000	6.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	-	6.000.000	6.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	3.059.673.786	3.053.673.786	(6.000.000)
3. Tài sản dài hạn khác	6.000.000	-	(6.000.000)

Nguồn vốn	Số tại ngày 30/09/2014 theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006	Số tại ngày 1/10 2014 theo TT 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014	Chênh lệch
I. Vốn chủ sở hữu	386.472.780.322	386.472.780.322	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	72.559.194.716	88.629.045.577	16.069.850.861

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2015

5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân pl	39.119.362.889	39.119.362.889	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		348.281.641	348.281.641
- LNST chưa phân phối kỳ này		38.771.081.248	38.771.081.248

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo

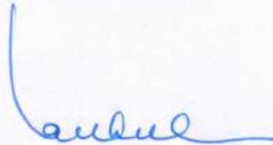
6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Ngọc Út

Nguyễn Huỳnh Đăng



Tổng Giám đốc

Quách Thành Đồng